TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2025**/HNGĐ-ST
Ngày **26-5-2025**
Về việc "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Tư**

2. Ông **Phạm Văn Động**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 280/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/4/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Thành N** - sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn H , huyện C , tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc H** - sinh năm 1992

Địa chỉ: tổ 08, khu phố Đ , thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

(vắng mặt lần 2 không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Thành N trình bày:**

Anh Trần Thành N và chị Nguyễn Thị Ngọc H tự tìm hiểu nhau khoảng 02 năm, sau đó tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là thị trấn H), huyện C , tỉnh An Giang ngày 03/6/2016.

Lý do xin ly hôn: Sau khi cưới vợ chồng sống ở nhà trọ thuộc huyện C , tỉnh

An Giang. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh N cho rằng do chị H hay giận hờn vô cớ, hai bên gia đình sui gia có qua hoà giải sau đó hai bên sui gia cự cãi nhau, vợ chồng hay xảy ra cãi vã, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn hơn, chị H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại khu phố Đ , thị trấn T , huyện T , tỉnh Kiên Giang sinh sống từ tháng 02 năm 2017 cho đến nay. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2017 đến nay.

Tại phiên tòa anh N yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh N yêu cầu được ly hôn với chị H .

- *Về con chung:* Anh N xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh N xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

* Tòa án có triệu tập chị Nguyễn Thị Ngọc H để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng chị Nguyễn Thị Ngọc H vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thành N được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc H .

- *Về quan hệ con chung:* Anh N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng chị H vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Ngọc H .

Xét thấy, chị H chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của anh N tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ các thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng chị H vẫn không đến Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H chung sống với nhau được UBND xã H (nay là thị trấn H), huyện C , tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 69, ngày 03/6/2016, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của anh N là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, vợ chồng anh chị chung sống với nhau đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh N cho rằng do chị H hay giận hờn vô cớ, hai bên gia đình sui gia có qua hoà giải sau đó hai bên sui gia cự cãi nhau, vợ chồng hay xảy ra cãi vã, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, chị H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 02 năm 2017 cho đến nay.

Tại phiên tòa, anh N thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, anh N và chị H hai bên đã ly thân với nhau từ tháng 02/2017 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N được ly hôn với chị H .

[3] Về quan hệ con chung: Không có.

[4] Về tài sản, nữ trang chung và nợ chung: Anh N xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Trường hợp chị H cho rằng có tài sản chung và có tranh chấp, sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác và sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thành N được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc H .

2. Về quan hệ con chung: Không có.

3. Về quan hệ tài sản, nữ trang chung và nợ chung: Anh N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh Trần Thành N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003899 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Nguyễn Thị Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn H ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chiến